

Bản án số 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày 09/01/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

giữa chị H với anh H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Chinh

2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 442/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2022/QĐXX-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện Q, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Tháng 01 năm 2007, chị kết hôn với anh Nguyễn Quang H. Trước khi kết hôn chị và anh H có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Sau đám cưới chị về chung sống cùng anh H ngay. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 09 năm 2007 thì nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị sinh sống. Từ đó chị và anh H sống ly thân, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa và anh H đã hết, đề nghị Tòa án giã quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H sinh được 01 con chung là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 05/12/2006. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giA quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Quang H trình bày, về điều kiện kết hôn như chị H trình bày ở trên. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H đã hết, chị H xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị H sinh được con chung là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 05/12/2006. Ly hôn, anh đồng ý để chị H nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giA quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị H được ly hôn anh H. Về con chung: Giao cho chị H nuôi con; cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có mặt, bị đơn anh Nguyễn Quang H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Nguyễn Quang H trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Lục Nam ngày 22/01/2007, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị H và anh H sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Nay cả chị H và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý được ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh H đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh H.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Quang H có con chung là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 05/12/2006. Chị H và anh H đều thống nhất để cho chị H nuôi con, cháu Trang cũng có nguyện vọng được ở với chị H nên giao cháu Trang cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phA chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Nguyễn Quang H.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị H nuôi con là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 05/12/2006. Anh Nguyễn Quang H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phA chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0014039 ngày 07 tháng 10 năm 2022, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phA thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Về kháng cáo*: Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Ủy ban nhân xã P;
- Lưu hồ sơ, v/p.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn H

